TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 25/2024/HS-ST
Ngày 10/07/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*:* Ông **Vũ Minh Hải**

Các hội thẩm nhân dân*:* Bà **Ngô Thị Yến Linh**, **ông Vũ Hồ Phương.**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Mạnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông **Vũ Đình Phương**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 06 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

1.Nguyễn Đình Q, sinh năm 1993;Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: N; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu D thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do: Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình V (đã chết); Và bà: Bùi Thị T; Có vợ là; Nguyễn Thị Q1; Chưa có con; **Tiền án, tiền sự**: Không. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2024, tại trại tạm giam Công an tỉnh H đến nay- Có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Bà Hoàng Thị H sinh năm 1973 và ông Nguyễn Văn L. sinh năm 1968. Đều trú tại: Thôn Đ, xã Ứ, huyện N, tỉnh Hải Dương.(Vắng mặt)

Người làm chứng: Anh Đỗ Văn S(Vắng mặt), bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Thành L1(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Đình Q quen biết với bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn L do trước đó Q học cùng trường THPT với con gái bà H là chị Nguyễn Thị Thu T2. Tháng 09/2011 đến tháng 8/2013, Q tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân. Từ tháng 9/2013 Q được cử đi học tại Học viện B, đến ngày 01/10/2015 bị học viện B kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, buộc thôi học, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động cho xuất ngũ. Đầu năm 2016, bà H sử dụng số điện thoại 0974.121.998 của mình gọi vào số điện thoại của Q (không xác định), nhờ Q xin cho con trai là Nguyễn Thành L1, sinh năm 1998 được công tác trong ngành Công an nhân dân. Sau đó anh Nguyễn Thành L1 đăng ký tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân. Trong quá trình anh L1 tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân, Q liên lạc với bà H về việc bản thân quen biết nhiều lãnh đạo trong ngành công an, yêu cầu chuyển cho Q 400.000.000 đồng để xin cho L1 đi học và được công tác chính thức trong ngành Công an tại thành phố Hà Nội. Khi trao đổi với bà H, Q không nói việc mình không còn công tác trong ngành Công an. Bà H tin tưởng đồng ý chuyển cho Q số tiền 400.000.000 đồng. Ngày 22/3/2017, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Liberty màu đỏ (không nhớ biển kiểm soát) đến nhà bà H. Tại đây có bà H, ông L, anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1978 ở cùng thôn, Q cam kết xin cho L1 đi học và làm chính thức trong ngành Công an, công tác tại thành phố Hà Nội, nếu không được sẽ hoàn trả lại tiền. Sau đó bà H đưa cho Q số tiền 400.000.000 đồng, khi nhận tiền, Q tự viết giấy nhận tiền, có chữ ký của Q, bà H, anh S1. Đến ngày 31/01/2020 anh L1 nhận quyết định xuất ngũ, không được đi học, công tác trong ngành công an. Sau khi nhận được số tiền trên, Q đã sử dụng tiêu dùng cá nhân hết. Bà H nhiều lần liên lạc với Q để đòi tiền nhưng không được, đến ngày 18/3/2024 bà H gửi đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Tại kết luận giám định số 87/ KL- KTHS ngày 15/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận:

- Chữ viết bằng mực màu đen và chữ ký, chữ ghi họ tên "Nguyễn Đình Q" dưới mục "người vay" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký, chữ ghi họ tên Nguyễn Đình Q trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1- M5) là do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ ký, chữ ghi họ tên "Hoàng Thị H" dưới mục "người cho vay" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký, chữ ghi họ tên Hoàng Thị H trên các mẫu so sánh (ký hiệu M6, M7) do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ ghi họ tên "Nguyễn Văn S1" dưới mục "người làm chứng" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký, chữ ghi họ tên Nguyễn Văn S1 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M8, M9) do cùng một người ký, viết ra.

Về vật chứng: Đối với 01 tờ giấy do Nguyễn Đình Q viết khi nhận tiền của bị hại, được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 11/4/2024 Nguyễn Đình Q đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 400.000.000 đồng. Đến nay bị hại không yêu cầu gì khác.

Theo bản cáo trạng số 25/CT-VKS-NG, ngày 17/06/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố bị cáo Nguyễn Đình Q về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản " tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo không tranh luận gì với Viện kiểm sát, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không thắc mắc, khiếu nại hoặc có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Q phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 15/5/2024. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2 điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án 01 tờ giấy do Nguyễn Đình Q viết khi nhận tiền của bị hại; Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật TTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm**.**

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1]. Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên,Viện kiểm sát huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai bị hại, kết hợp với kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Đầu năm 2017, Nguyễn Đình Q không công tác trong ngành Công an nhân dân, lợi dụng quen biết, tin tưởng của bà Hoàng Thị H, Q đưa ra thông tin gian dối là đang công tác trong ngành Công an, quen biết nhiều lãnh đạo trong ngành công an để cho bà Hoàng Thị H tin tưởng. Đến chiều ngày 22/3/2017 tại nhà bà H ở thôn Đ, xã Ứ, huyện N, tỉnh Hải Dương, Q nhận số tiền 400.000.000 đồng để xin cho anh Nguyễn Thành L1 (con trai bà H) được công tác trong ngành Công an và công tác tại thành phố Hà Nội. Sau khi nhận tiền Q chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

[3]. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình, nhưng với thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 400.000.000đ, bị cáo cố ý thực hiện nên phải trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS, như điều luật viện dẫn của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Q lợi dụng sự tin tưởng của bà H đưa ra thông tin gian dối là đang công tác trong ngành Công an, quen biết nhiều lãnh đạo có thể xin cho con trai bà H vào nghành mục đích để chiếm đoạt tài sản, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện N. Do vây, cần có mức hình phạt nghiêm dành cho bị cáo.

. [5]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết này.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bố đẻ bị cáo là thương binh hạng 1/8 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội cũng như đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo kinh tế không có, nên không áp dụng hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Đình Q đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 400.000.000 đồng, bị hại không còn yêu cầu gì khác nên không phải đặt ra giải quyết.

[10]. Về vật chứng: Đối với 01 tờ giấy do Nguyễn Đình Q viết khi nhận tiền của bị hại, cần tịch thu tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Liberty Q sử dụng để đến nhà bà H, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà T1, khi Q thực hiện hành vi phạm tội bà T1 không biết, nên không đặt ra việc xử lý.

[11] Đại diện VKSND huyện Ninh Giang đề nghị về hình phạt chính, tình tiết giảm nhẹ TNHS và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

[12]. **Về án phí**: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s,b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình Q phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Q 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 15/5/2024.

Về Vật chứng: Tịch thu, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với 01 tờ giấy do Nguyễn Đình Q viết khi nhận tiền.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự so thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Ninh Giang;
- Công an huyện Ninh Giang.
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hải